TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 22 – 01 – 2026.
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Kiên Trung;

2. Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2025/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Phương H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp P, xã A, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094190001017, cấp ngày -04/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094082011695; ngày cấp: 10/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Phương H trình bày:

Vào tháng 10 năm 2022, bà Lê Phương H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau theo nghĩa vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 người con chung là Lê Bình A, sinh

ngày 15/10/2023 hiện đang sống chung với bà H. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Lê Phương H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; về con chung thì bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Bình A, sinh ngày 15/10/2023 đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53; các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Phương H và ông Nguyễn Văn T.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Lê Bình A, sinh ngày 15/10/2023 cho bà Lê Phương H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H chưa có yêu cầu. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung: Bà Lê Phương H xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lê Phương H xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn T không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Phương H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp P, xã A, thành phố Cần Thơ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông T. Kết quả, từ trước đến nay bà H và ông T chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Lê Phương H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2022, bà Lê Phương H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà Lê Phương H và ông Nguyễn Văn T do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ chung sống giữa bà Lê Phương H và ông Nguyễn Văn T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Bà Lê Phương H xác định trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 (Một) người con chung là Lê Bình A, sinh ngày 15/10/2023, hiện nay đang sống chung với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H xác định từ khi bà và ông T sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà H và ông T đã không còn chung sống với nhau từ khi ly thân cho đến nay (tháng 10/2024), trong khoảng thời gian này cháu A chung sống với bà H, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; mặt khác hiện nay cháu A dưới 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ. Do đó, Hội đồng xét

xử quyết định giao cháu A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn T mà không ai được ngăn cản.

[5]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong qua trình giải quyết vụ án bà Lê Phương H không có yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Phương H xác định bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Phương H xác định bà và ông Nguyễn Văn T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về án phí: Bà Lê Phương H phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Phương H và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Bình A, sinh ngày 15/10/2023 cho bà Lê Phương H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Phương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003192 ngày

17/9/2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ (PGĐ, KT, TT và THA);
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS Thành phố Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo